

Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG TRONG VĂN HÓA ẨM THỰC TRUNG HOA QUA HIỆN TƯỢNG CÁC TỪ ĐỒNG ÂM TRONG TIẾNG HÁN

THE REPRESENTED MEANING OF THE CHINESE CUISINE CULTURE
THROUGH HOMONYM OF LANGUAGE

LÊ THỊ HỒNG NGÀ

(ThS-NCS; Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP HCM)

Abstract: The represented meaning of the Chinese cuisine culture is a very unique culture that is worthy for researching. It can be formed with the external conditions such as the appearance, quantity, color, language, or the internal conditions such as the functional characteristics and uses, or the folk meaning of the food; the internal ones also contain the method and mode of the image or visual mentality, metaphor and simile... We use those things to convey people the certain messages of the Chinese cuisine culture. In this article, we will discuss the Chinese particular cuisine culture under the perspectives of the homonym and euphony of the Chinese language.

Key words: culture of cuisines; represented meaning; homonym.

1. Người Trung Quốc có câu “Vương giả dĩ dân vi thiên, nhi dân dĩ thực vi thiên”⁶. Không Tử cũng từng nói “Ẩm thực, nam nữ, nhân chi đại dụng tồn yên”⁷ (ý nói “Ẩm thực và quan hệ nam nữ là những dụng cụ cơ bản để con người được tồn tại”). Từ đó có thể thấy, trong cuộc sống hàng ngày, người Trung Quốc coi ẩm thực là hoạt động cơ bản để tồn tại, duy trì sự sống, bởi bổ cơ thể tăng cường sức khỏe hoặc trị bệnh hoặc đơn giản là thưởng thức hương vị của cuộc sống. Tuy nhiên trong những dịp đặc biệt, ẩm thực ngoài những chức

năng kể trên còn có chức năng rất quan trọng trong văn hóa Trung Quốc, là một nét đặc thù của văn hóa truyền thống, đó chính là ý nghĩa biểu trưng của ẩm thực.

Ý nghĩa biểu trưng của văn hóa ẩm thực Trung Quốc chính là biểu đạt tâm tư tình cảm, mong ước nguyện vọng và những quan niệm về nhân sinh quan, thế giới quan của người Trung Quốc, được thể hiện thông qua công cụ trung gian như thực phẩm, công cụ nấu nướng, kỹ thuật nấu nướng, phương thức chế biến và trình bày, không gian và thời gian ẩm thực, trong đó vai trò của thực phẩm có thể coi là quan trọng nhất.

Có thể cùng một món ăn nhưng vào thời điểm này thì được cho là biểu trưng của sức khỏe và linh thiêng nhưng thời điểm khác lại được cho là biểu trưng của nghèo đói cơ hàn. Điều lí thú là, cách biểu trưng này lại

⁶“Vương giả dĩ dân vi thiên, nhi dân dĩ thực vi thiên”, trích trong “Sử kí _Lệ thực kì lục giả liệt truyện”.

⁷ “Thực sắc tính giả, ẩm thực nam nữ, nhân chi đại dụng tồn yên”, trích trong “Lễ kí”.

dựa vào đồng âm. Ví dụ món gà, trong văn hóa dân gian Trung Hoa, con gà trống biểu tượng cho sức mạnh, may mắn và giàu sang, vì vậy vào những dịp cúng tế người dân hay cúng gà trống với hình dáng đầy đủ nguyên con. Nhưng vào ngày hạ chí thì có địa phương lại kiêng ăn gà vì cho rằng ăn gà vào ngày này sẽ trở nên nghèo đói cả năm. Đó là do hiện tượng đồng âm đem lại: 鸡 gà “jī” có âm đọc đồng âm với 饥寒 “jī hán” có nghĩa là “cơ hàn, đói khổ”. Thậm chí có những món ăn người vùng này thì cho là biểu tượng của may mắn hạnh phúc, nhưng người vùng khác thì kiêng kị vì cho là biểu trưng của bất hạnh, nghèo nàn... Điều đó có thể có nhiều cách lí giải vì mỗi địa phương, mỗi dân tộc có thể có những quan niệm riêng về ý nghĩa biểu trưng của thực phẩm. Thử so sánh với văn hóa Việt Nam: Vào ngày Tết trên bàn thờ gia tiên của mỗi gia đình không thể thiếu mâm ngũ quả. Trong mâm ngũ quả của người miền Nam là *dừa, đu đủ, xoài, mãng cầu, sung* với ý nghĩa biểu trưng là cầu xin (tiền bạc, sức khỏe) vừa đủ xài, cuộc sống sung sướng hạnh phúc. Ý nghĩa biểu trưng này do hiện tượng đồng âm mang lại: Trong tiếng địa phương miền Nam, “vừa đủ” đọc là “dừa đủ”, trái “xoài” đồng âm với “tiêu xài”. Người miền Nam cũng kiêng kị cúng trái chuối vào dịp Tết vì cho rằng sẽ đem lại bất hạnh cho cuộc sống của mình: xét từ yếu tố đồng âm, “chuối” người miền Nam đọc là “chúi”, có nghĩa là “lặn bại, chúi lủi, đi xuống”; người miền Nam không chung những trái cây sau: *cam* (quýt làm cam chịu), *lê* (lê lét, chậm chạp), *táo* (người miền Nam đọc là “bom/ bom mìn”), *lựu* (lựu đạn)⁸.

Hiện tượng đồng âm trong tiếng Hán Tạng rất phong phú, đa dạng. Theo thống kê trong “Từ điển Hán ngữ hiện đại” (tái bản lần thứ 5) với 10863 chữ Hán thì có 4901 từ đơn âm tiết, chiếm khoảng 45,12%, trong số đó từ đơn đồng âm chiếm khoảng 96,61%. Khảo sát 43171 từ song âm tiết, có 7915 từ song âm tiết đồng âm, chiếm 18,33%. Như vậy có thể thấy, hiện tượng đồng âm chủ yếu tập trung vào từ đơn âm tiết⁹. Trong bài viết này chúng tôi đề cập đến ba yếu tố đồng âm: 1/ Đồng âm hoàn toàn: thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu hoàn toàn giống nhau, cũng có xét đến yếu tố từ đa nghĩa; 2/ Đồng âm do tiếng địa phương; 3/ Đồng âm không hoàn toàn: nghĩa là gần âm, nghe có vẻ hơi giống âm tiết.

⁸Theo Wikipedia.org

⁹Luận văn thạc sĩ Đại học Sư Phạm Tứ Xuyên “Nghiên cứu từ đồng âm trong tiếng Hán hiện đại”, Đại Kiến Đào, trang 2.

2. Theo tác giả Thôi Minh An, tính biểu trưng trong văn hoá ẩm thực Trung Quốc thường được thể hiện thông qua những bữa cơm đặc biệt như vào ngày lễ tết, nghi thức tôn giáo tín ngưỡng, giao tiếp xã hội và những hoạt động sinh hoạt xã hội khác như chúc mừng, đãi khách hoặc đám cưới, đám ma¹⁰. Thông thường, vào những dịp này người Trung Quốc thường gửi gắm những ước nguyện của mình thông qua món ăn và họ tin rằng thông qua ý nghĩa biểu trưng trong những món ăn đó tổ tiên ông bà, thần linh sẽ hiểu được nguyện vọng của họ và giúp họ đạt được ước nguyện.

Những ước nguyện được gửi gắm thông qua văn hóa ẩm thực đến các vị thần linh và tổ tiên thường là ước nguyện gia đình đoàn viên, cuộc sống bình an phú quý, hôn nhân viên mãn, con cái thành đạt hiển vinh, làm ăn phát tài phát lộc, ... Chính thông qua những mong ước đó thể hiện quan niệm của con người đối với những giá trị cuộc sống, hay nói cách khác là, thông qua văn hóa ẩm thực người Trung Quốc đã thể hiện những tư tưởng của mình về giá trị cuộc sống như “gia đình quan, ái tình quan, sinh dục quan, phú quý quan, nhân sinh quan, an toàn quan, vũ trụ quan, bảo kiện quan, trường thọ quan, luân lí quan, quân thể quan, đẳng cấp quan, anh hùng quan, lễ nghĩa quan, quý tiết quan, thực vật quan, động vật quan...”¹¹. Dưới đây là một số những ước nguyện mà người Trung Quốc gửi gắm thông qua văn hóa ẩm thực:

Thứ nhất, mong ước sự đoàn viên, gia đình hạnh phúc: Trong những dịp lễ tết hoặc những dịp gặp mặt đặc biệt, người Trung Quốc thường thông qua bữa ăn để thể hiện nguyện vọng này.

Trong phạm vi từ đồng âm, tiêu biểu có món bánh trôi nước 汤圆 (tang tuán) ăn vào dịp Tết Nguyên Tiêu (15 tháng Giêng âm lịch) mà hầu như dân tộc nào cũng có, từ “tuán” trong từ 汤圆 “tang tuán” đồng nghĩa với từ “tuán” trong từ 团圆 “tuán yuán” (đoàn tụ, đoàn viên).

Dân tộc Thổ Gia ăn món 莲心肉 “lián xin ròu” (liên tâm nhục) gồm có thịt heo và hạt sen vào ngày Tết với mong muốn mọi người đoàn kết như “tâm liên tâm”,

¹⁰Thôi Minh An “Dấu hiệu tượng trưng trong văn hóa ẩm thực Trung Quốc – Nghiên cứu kết cấu thượng tầng của văn hóa biểu trưng trong ẩm thực”, tạp chí nghiên cứu lí luận lịch sử, trang 46.

¹¹Thôi Minh An “Dấu hiệu hồn dân tộc – văn hóa luận biểu trưng ẩm thực Trung Quốc”, NXB Đại học Văn Nam, 2001, trang 50.

“thịt liền thịt” (莲 là hạt sen đồng âm với 连 “lián” có nghĩa là 连结 “liên, kết nối, liên kết”).

Người Trung Quốc, đặc biệt là dân tộc Hán (chiếm hơn 90 % dân số Trung Quốc) kiêng không ăn trái lê cắt rời, đặc biệt là không ăn chung trái lê với người khác, vì cắt/ chia 分 có âm là “fēn”, 梨 lê có âm “lí” trong tiếng Trung Quốc “fēn lí” có nghĩa là 分离 “phân li, chia cắt”

Thứ hai, mong ước cuộc sống lâu dài hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, con cháu đông vui: Bất kì chàng trai cô gái nào đến tuổi lập gia đình cũng đều mong muốn có một cuộc hôn nhân hạnh phúc mãi mãi đến đầu bạc răng long, vì vậy những món ăn trong ngày cưới cũng thể hiện mong ước này.

Dân tộc Du trong hôn lễ cô dâu chú rể cùng ăn chung hai cái đùi gà được buộc chung với nhau bằng một sợi dây màu đỏ (两头同绳 “lưỡng đầu đồng thưng” có nghĩa là hai đầu có chung một sợi dây), 两头同心 với ý là “lưỡng kết đồng tâm” vì hiện tượng đồng âm của chữ “lưỡng đầu đồng thưng” trong tiếng địa phương.

Trong hôn lễ của dân tộc Thổ, cô dâu và chú rể cùng uống rượu “hợp khí” tượng trưng cho mong muốn vợ chồng sống với nhau trọn đời hòa thuận. Trước khi uống, một vị tiền bối có cuộc sống hôn nhân viên mãn bên gia đình cô dâu sẽ luân phiên rót rượu vào hai li và cứ rót qua đổ lại đúng chín lần. Điều này tỏ ý muốn cầu chúc cho cô dâu chú rể có cuộc hôn nhân vững bền, chín (jiu) và rượu 酒(jiu) cũng như “vĩnh cửu” đều có âm đọc là “jiu”久.

Tương tự với mong muốn như vậy, trong hôn lễ của dân tộc Thiết Bá, khi làm nghi thức uống rượu giao bôi (còn gọi là “rượu hợp hoan”, “rượu đồng tâm”...), cô dâu và chú rể mỗi người cầm một li rượu màu đỏ được cột với nhau bằng sợi dây đỏ và cùng uống rượu, vừa uống vừa hoán đổi li cho nhau ba lần (酒 jiu “tửu” đồng âm với 久 jiu “cửu”) cũng có nghĩa là “vĩnh cửu” (yong jiu). Hành động hoán đổi li ba lần biểu thị mong muốn “thiên trường, địa cửu, và hôn nhân vững bền mãi mãi”.

Trong văn hóa truyền thống người Hán, trước khi động phòng hoa chúc thì vợ chồng cùng nhau ăn chén canh bách hợp 百合 “bái hé” với mong muốn “bách niên hòa hợp”.

Trong hôn lễ của người Bảo An không thể thiếu món hạnh đào 核桃 (có âm địa phương đồng âm với 和头 “hé tóu” có nghĩa là hòa hợp; có ý chúc cô dâu chú rể sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu bạc răng long.

Một số địa phương người dân tộc Miêu khi tiếp đãi ý trung nhân thì nhất thiết trong món ăn không có trứng gà, canh dưa cải chua. Trứng 蛋 đọc là “dan” đồng âm với “dan” trong chữ 孤单 “gudan” (cô đơn); cải chua 酸菜 “suan cài” theo âm địa phương là 散 “san” có nghĩa là 离散 “lí sán” (tan, li tán), e rằng tình duyên sẽ dang dở, không lấy được nhau.

Quan niệm “đa tử đa phúc” là quan niệm phổ biến trong tư tưởng của người Trung Quốc suốt mấy ngàn năm phong kiến. Theo văn hóa truyền thống, ngoài trứng ra thì các loại quả và hạt cũng đều tượng trưng cho sự sinh sôi, vượng tử: hạt sen, táo, hạt dẻ, đậu phộng, các loại hạt đậu¹²,... Vì vậy trong ngày cưới hoặc ngày Tết mọi người thường ăn các loại hạt. Những món ăn tiêu biểu thay cho lời chúc này thường là: hạt dẻ 栗子 (lì zǐ) đồng âm 利子 có nghĩa là “lợi tử, vượng tử/ có nhiều con”; nếu thêm món táo thì có nghĩa là 早利子 “zǎo lì zǐ” (táo lợi tử/ sớm có con).

Sớm sinh con trai: táo 枣(zǎo), đậu phộng 花生 (hua sheng), quế 桂子(guì zǐ), hạt sen 莲子(lián zǐ), bốn loại thực phẩm này đọc là “zǎo sheng guì zǐ” đồng âm với “tảo sinh quý tử” có nghĩa cầu chúc “sớm sinh quý tử”. Ngoài ra, còn có: vải 荔枝 “lì zhī” đồng âm với 立即 “lì jǐ” (ngay lập tức, ngay tức thì); hạt thông 松子 “sōng zǐ” đồng âm với 送子 “tóng tử” (tặng con); hạt sen 莲子 “lián zǐ” đồng âm với “liên tử”, với ý nghĩa biểu trưng là chúc “sớm có con”, “sinh con đàn cháu đông”.

Trong tiếng Quảng Đông, vị chua 酸 “suan” đồng âm với 孙 “sun” có nghĩa là “tôn” (cháu). Vì vậy vào dịp Tết người Quảng Đông hay ăn món thịt xào chua ngọt 酸糖肉, mong ước có nhiều con cháu.

Ở rất nhiều địa phương có tập tục này: vào ngày cưới, trước khi cô dâu chú rể động phòng hoa chúc thì thường cùng nhau ăn chung một đĩa bánh chèo được hấp nửa sống nửa chín. Khi đó, có một người (tùy theo địa

¹²Thôi Minh An “Dấu hiệu hôn nhân dân tộc - văn hóa luận biểu trưng ẩm thực Trung Quốc”, NXB Đại học Văn Nam, 2001, trang 59.

phương có thể là do một đứa trẻ hoặc một người lớn tuổi trong họ nhà gái, hoặc mẹ chồng) sẽ hỏi: “Có sống không?” 生不生? và cả hai vợ chồng (có nơi thì chỉ mình cô dâu) đáp: “sống” 生 và như vậy là biểu thị họ sẽ sớm sinh con. Vấn đề ở đây là, hiện tượng đa nghĩa của từ “生 sheng”, vừa có nghĩa là “sống, sinh sống; sống/ chưa chín” vừa có nghĩa là “sinh đẻ”¹³.

Thứ ba, mong ước cuộc sống giàu sang phú quý, hạnh phúc bình an mỹ mãn: Trong văn hóa biểu trưng của người Trung Quốc, các món ăn thể hiện mong muốn phát tài phát lộc vô cùng nhiều. Trong số đó những món có tên gọi mang tính hài âm mà nhiều dân tộc cùng có chung biểu tượng, đó là cá, đậu phụ, khoai môn...

Cá 鱼 có âm “yú”, đồng âm với 余 “dư thừa, dư giả”, ăn cá vào bữa cơm giao thừa có nghĩa là “niên niên you yú” (niên niên hữu dư), cả năm dư giả, cả năm sung túc.

Bào ngư 鲍鱼 “fù yú” là món ăn quý hiếm, trong những dịp đặc biệt những gia đình khá giả cũng cố gắng mua về với mong muốn có được cuộc sống giàu sang phú quý. Ngoài ý nghĩa biểu trưng từ chính bản thân món ăn, còn bao gồm cả hiện tượng đồng âm của từ “fù yù” đồng âm với 富裕 (phú, giàu có).

Đậu hũ/ đậu phụ 豆腐 có âm “fú” đồng âm với “fù” trong chữ 富贵 “fùgù” (phú quý, giàu sang) nên cũng là món ăn được ưa chuộng vào dịp Tết.

Khoai môn, khoai cao 芋头 “yú tóu” có âm “yú” đồng âm với 富裕 “fù yù” có nghĩa là giàu có sung túc phú quý, món này người Đài Loan và một số vùng Quảng Tây, Phúc Kiến hay ăn vào các dịp đặc biệt.

Bánh và mứt là những món ăn nhẹ thường được người châu Á sử dụng nhiều vì ý nghĩa biểu trưng trong vị ngọt ngào của nó, nhưng ngoài ý nghĩa biểu trưng trong mùi vị thì nhiều loại bánh còn gửi gắm những ước nguyện thông qua hiện tượng hài âm. Ví dụ:

Bánh hấp bằng bột gạo 发糕 “fà gao” đồng âm với 发高 có nghĩa là dần dần lên cao, dần dần phát triển đi lên, thịnh vượng hơn, vì vậy cũng trở thành món ăn phổ biến trong các gia đình vào dịp Tết.

Bánh tở 年糕 “nián gao” (niên cao) của người miền Nam Trung Quốc hay ăn vào dịp Tết có âm là “gao”

đồng âm với 高 (cao), với mong muốn “mỗi năm mỗi phát triển thịnh vượng hơn, mỗi năm mỗi tốt hơn” (niên niên cao thăng).

Cũng với nghĩa đồng âm đó, vào dịp Tết người dân các vùng Phúc Kiến, Quảng Đông, Đài Loan thường ăn món bánh khoai môn 芋糕 “yugao” để cầu mong có được cuộc sống giàu có sung túc hơn.

Các loại trái cây rau củn hưng hạnh 银杏, quýt 橘 cũng là những món ăn thường được dùng trong ngày Tết vì ý nghĩa biểu trưng tốt đẹp của nó. Ngân hạnh 银杏 “yín xìng” có từ 银 “yín” nghĩa là “ngân, ngân lượng, tiền bạc”, có từ “xìng” đồng âm với 幸福 “xìng fú” (hạnh phúc); quýt 橘 gần âm với 吉 “jí” trong chữ 吉利 nghĩa là “cát lợi, may mắn”.

Mỗi địa phương có những món ăn khác nhau tùy thuộc vào quan niệm về đặc tính của thực phẩm. Chẳng hạn, măng 竹笋 biểu trưng cho sự phát triển, luôn luôn tăng trưởng, luôn luôn hướng lên trên một cách kiên cường mạnh mẽ, nên nó thường được dùng với ý nghĩa biểu trưng là mạnh mẽ, khỏe mạnh. Riêng về mặt đồng âm thì có nghĩa 足 “zú” (túc, sung túc, đầy đủ), vì vậy đây cũng là món ăn được nhiều gia đình ưa chuộng dùng trong dịp Tết với ước nguyện cầu mong sự sung túc, no đủ¹⁴.

Rau mầm 银芽菜 với hai tầng biểu đạt là đặc tính sinh trưởng nhanh và hiện tượng đồng âm từ chữ 银 “yín” có nghĩa là “ngân lượng, tiền bạc” nên cũng thường được dùng với ý cầu mong tiền bạc dồi dào, cuộc sống sung túc.

Ngoài mong muốn giàu sang phú quý cũng có những món ăn thể hiện mong ước giản dị hơn. Ví dụ: món bánh làm từ bột mì 塌棵 “ta ke” đọc theo tiếng địa phương vùng Đông Bắc đồng âm với 脱苦 “thoát khổ”; phong tục ăn món canh khổ qua, uống nước nấu từ khổ qua 苦瓜 “ku gùa” vào ngày 5-5 (hạ chí) của người miền Nam (Quảng Đông, Phúc Kiến, Quảng Tây...) , đồng âm với “nỗi khổ qua đi”.

Bên cạnh mong ước giàu sang phú quý, trong văn hóa ẩm thực cũng có những điều kiêng kị, thể hiện quan điểm nếu tránh ăn những món này thì sẽ tránh được những điều rủi ro, nghèo đói, bệnh tật. Những món ăn

¹³Theo “Tân thành huyện chí”, dân quốc nhị thập tứ niên, chỉ ấn bản.

¹⁴“Tề Văn huyện chí” Thanh Càn Long tam thập niên, khắc bản.

kiêng kị với mong muốn tránh được nghèo đói tiêu biểu như:

Người Đài Loan vào ngày Tết kiêng ăn món bánh 甜粿 vì 煎甜粿 “qian tian guo” đọc theo âm địa phương có nghĩa là 赤贫 “chì pín” (nghèo rớt mòng tơi).

Vào ngày hạ chí, một số địa phương của tỉnh Hồ Nam ăn cá với mong muốn cả năm có dư, nhưng tuyệt đối không ăn gà vì gà phát âm là 鸡 “jī” đồng âm với 饥寒 “cơ hàn” có nghĩa là “đói”¹⁵.

Mong ước cuộc sống bình an cũng là mong ước của tất cả mọi người, có bình an tất có hạnh phúc và sức khỏe, vì vậy những món ăn với ý nghĩa biểu đạt này cũng rất nhiều. Ví dụ:

Người An Huy vào ngày 7 tháng giêng âm lịch (theo phong tục là ngày nhân dân, ngày tổ tiên loài người được sinh ra¹⁶) đãi mọi người ăn món bánh Thái bình với mong muốn cầu cho mọi người được hưởng cuộc sống thái bình. 饷 “Xiǎng” là từ cổ, có nghĩa là chiêu đãi, khoản đãi, 饷太平 có nghĩa là “đãi (bánh) thái bình”, đồng âm với 想太平 “xiǎng tài píng” (muốn thái bình, muốn được bình an).

Người miền Bắc vào dịp lễ tết thường ăn táo để cầu bình an, táo 苹果 “píng guo” đồng âm với “píng” trong 平安 “Píng an” (bình an).

Vào ngày cưới, cô dâu Thiên Tân ăn trái táo cũng có cùng mong muốn được sống bình an hạnh phúc trọn đời bên gia đình chồng.

Người Bạch ở Văn Nam mỗi khi tiễn người thân đi xa thường ăn món khoai môn nấu với tỏi, vì khoai môn theo âm địa phương là “bì tong”, đồng âm với 必通 “tất thông” (chắc chắn thông thuận, bình an), tỏi 蒜 theo ngôn ngữ của dân tộc Bạch là 顺 “shùn”, đồng âm với “thuận/ thuận lợi”¹⁷.

Những hoạt động liên quan đến ẩm thực cũng thể hiện ý nghĩa biểu trưng, tiêu biểu nhất là cách thức ăn cá:

Đối với những ngư dân vùng biển, khi chiên cá hoặc ăn cá họ không bao giờ dùng đũa lật con cá lên,

vì vậy họ sẽ chiên cá với rất nhiều dầu để cá chín đều hai mặt. Khi ăn hết mặt này họ không lật mặt sau lên mà chỉ có thể gỡ bỏ lớp xương ở giữa và ăn tiếp, bởi vì hành động lật cá lên là 倒 “dǎo” hoặc 翻 “fān” có nghĩa là “lật/ đổ”. Cách chiên và cách ăn như vậy để tránh từ “dảo” lên quan đến “lật thuyền, đổ thuyền”¹⁸. Tuy nhiên đối với đa số người dân thường thì hành động 倒鱼 “dǎoyú” có nghĩa là “đổ bỏ/ lật đổ cái dư dật”, có nghĩa là “không còn dư/ giã có sung túc nữa”, vì vậy trong nhiều gia đình, vào bữa cơm đoàn viên (đêm giao thừa) họ không ăn hết món cá mà chừa lại một chút để hôm sau ăn tiếp.

Thứ tư, mong cho con cháu phát triển sự nghiệp, thăng quan tiến chức: Tiếng Hán có câu “Nhất nhân đắc đạo, kê khuyến thăng thiên” (một người đắc đạo, gà chọi thăng liên; Một người làm quan, cả họ được nhờ). Tư tưởng này của người Trung Quốc đã ăn sâu bén rễ từ bao thế kỉ nay, khát vọng quyền lực, danh vọng, địa vị và vinh hoa phú quý do quyền lực đem lại đã trở thành mục tiêu phấn đấu của con người. Vì vậy ước mong về quyền lực cũng thường được thể hiện trong văn hóa ẩm thực.

Câu thành ngữ “Cá vượt vũ môn 鱼跃龙门” đã trở nên rất quen thuộc với ý nghĩa “thành công, thành đạt”, vì vậy trong những trường hợp mưu cầu công danh thành đạt, sự nghiệp về vang hoặc thi cử thành công người ta hay mượn hình tượng con cá chép để nói lên điều này. Ví dụ:

Một số địa phương Hồ Nam trong tiệc cưới dùng táo tàu, đậu phộng, vỏ quế, hạt sen, long nhãn pha chung với trà để tiếp đãi khách, với ý chúc cô dâu chú rể sớm sinh quý tử giỏi giang thành tài 早生贵子跳龙门 “tảo sinh quý tử khiêu long môn. Trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, hình tượng con rồng có rất nhiều ý nghĩa, một trong những nghĩa đó là chỉ sự thành đạt, hiển vinh như trong câu thành ngữ 望子成龙 “vọng tử thành long” (mong cho con thành rồng/ mong cho con cháu thành công)¹⁹.

Vùng trung hạ lưu sông Hoài và Trường Giang, vào ngày cất nhà, gia chủ sẽ cúng bánh gạo 梁糕 (liáng gao), “gao” đồng âm với 升高 “thăng cao”,

¹⁵Thôi Minh An “Dấu hiệu hồn dân tộc – văn hóa luận biểu trưng ẩm thực Trung Quốc”, NXB Đại học Văn Nam, 2001, trang 128.

¹⁶Hồ Phác An, “Trung Hoa toàn quốc phong tục chí”, NXB Nhân dân Hà Bắc, 1986.

¹⁷Thôi Minh An “Dấu hiệu hồn dân tộc – văn hóa luận biểu trưng ẩm thực Trung Quốc”, NXB Đại học Văn Nam, 2001, trang 144.

¹⁸Thôi Minh An “Dấu hiệu hồn dân tộc – văn hóa luận biểu trưng ẩm thực Trung Quốc”, NXB Đại học Văn Nam, 2001, trang 147.

¹⁹Vương Minh Đức, Vương Tư Huy “Ẩm thực cổ đại Trung Quốc”, NXB nhân dân Thiểm Tây, 1988.

với mong muốn con cháu sau này sẽ thăng tiến, làm quan.

Một số địa phương Đài Loan, trong ngày cưới, mẹ chồng sẽ tặng cho con dâu mới một miếng bánh đậu, vì trong tiếng địa phương vùng này, 大官 “dà guan” (đại quan) đọc giống 豆杆 “dou gan” (bánh đậu) với lời chúc cô dâu mới sớm sinh quý tử tương lai sẽ đỗ đạt thăng quan tiến chức.

Một số nơi ở Quảng Tây còn giữ lại phong tục cũ, khi trong nhà có con cái đi thi (đại học hoặc tú tài) thì thường làm một cái bánh chưng lớn 大粽 (dà zong) với ngụ ý chúc cho con cái thi cử thành công, xét từ từ đồng âm 大中 “dà zhong” có nghĩa là “đại trúng/ đậu cao”.

Ở nhiều nơi, vào ngày Tết không thể thiếu được các loại hạt như hạt dưa, hạt bí, hạt sen với những chức năng đặc biệt của nó là mầm mống, tượng trưng cho sinh sôi nảy nở, con đàn cháu đông, trong đó có táo tàu và hạt dẻ có ý nghĩa biểu đạt dựa vào từ đồng âm: táo tàu 枣 có âm đọc là “zǎo” đồng âm với 早 (tảo, sớm), hạt dẻ 栗子 “lizi” có âm đồng âm với 立志 (lập chí/ thành công). Vào ngày Tết nhà nhà đều ăn táo tàu, ăn hạt dẻ với mong muốn con cháu trong nhà 早立志 “zǎo lì zhì” nghĩa là “sớm lập chí/ sớm lập thân, mau thành đạt”.

Muốn có danh vọng, địa vị, quyền lực thì phải có trí tuệ, vì vậy các vị phụ huynh thường hay cầu nguyện cho con mình điều này. Ví dụ: hành 葱 “cong” đồng âm với 聪明 “cong ming” (thông minh); tỏi 蒜 “suan” đồng âm 计算 “jì suan” (tính toán giỏi, nhanh trí); quả vải 荔枝 “lizi” đồng âm với 伶俐 “líng lì” (lanh lợi, tháo vát). Vùng Triết Giang trong những dịp đặc biệt thường cho con cái ăn tim gà 鸡心 “jixin” với mong muốn cầu cho đứa trẻ học hành giỏi giang, có trí nhớ tốt vì 鸡心 theo âm địa phương đọc là 记性 “jìxing” có nghĩa là có trí nhớ, trí nhớ tốt.

Vào ngày 7 tháng Giêng, người vùng Quảng Tây ăn món xào gồm mộc nhĩ, thịt heo nạc, miến, tôm nõn hoặc cua thịt và ba món chủ đạo là hành, tỏi, rau cần 芹菜 “qín cài” (đồng âm với 勤劳 “qín láo” có nghĩa là “cần lao/ cần cù lao động” với mong muốn gia đình hòa thuận, mọi việc thuận lợi,

con cái thông minh, giáo dục trẻ em chăm chỉ lao động, học hành²⁰.

Thứ năm, mong muốn làm ăn may mắn thuận lợi, phát tài phát lộc: Những gia đình làm ăn buôn bán rất sùng bái việc thờ cúng, cho nên, thường vào những ngày đầu tháng và ngày rằm không thể thiếu những món ăn dâng lên thờ cúng tổ tiên thần linh với mong muốn cầu xin phù hộ cho làm ăn gặp nhiều may mắn, phát tài phát lộc.

Những món ăn tiêu biểu thể hiện cho ý nghĩa này xét từ góc độ từ đồng âm không nhiều và thường xuất phát từ vùng Quảng Đông, Phúc Kiến. Ví dụ: rau tóc tiên 发菜 “fa cài” đồng âm với 发财 “fa cái” (phát tài phát lộc); con hào 牡蛎 “mǔ lì” theo âm Quảng Đông có nghĩa là kinh doanh thuận lợi; quả dưa 凤梨 “fèng lí” theo âm Quảng Đông là sự giàu có, may mắn, quản lý tài sản tốt; rau xà lách 生菜 “sheng cài” đồng âm với 生财 “sheng cái” có nghĩa là làm ăn phát tài (生意发财).

Thứ sáu, mưu cầu sức khỏe, tuổi thọ: Mong muốn có sức khỏe là nhu cầu quan trọng nhất của con người, có sức khỏe sẽ có tất cả. Trên phương diện văn hóa biểu trưng từ hiện tượng đồng âm, những món ăn đại diện cho mong ước sức khỏe dồi dào không nhiều. Ví dụ:

Vùng Đông Bắc Trung Quốc vào mùa đông có năm lạnh âm mấy chục độ, vì vậy vấn đề bảo vệ sức khỏe trong mùa đông cũng vô cùng quan trọng. Vào ngày đông, người dân ở đây có thói quen ăn món bánh chẻo/ há cảo 饺子 “jiǎo zi”, tiếng địa phương gọi là 饺儿 “jiǎo ér” đồng âm với 胶耳 (dán tai lại), biểu thị ý mong muốn mùa đông không quá lạnh, không bị 冻掉耳朵 “lạnh cóng rơi mất tai”²¹.

Những hành vi mang tính tâm linh để mưu cầu sức khỏe phải kể đến là: Ở một số nơi, vào đêm giao thừa người dân lấy 7 hạt đậu đỏ, 7 trái ớt khô (hoặc 17, 27, 37, 77...) lén ném xuống giếng mà không cho ai nhìn thấy thì sẽ có một năm tràn đầy

²⁰L luận văn Thạc sĩ ngành dân tộc học, ĐHSP Quảng Tây “Nghiên cứu và điều tra tập tục âm thực trong các ngày lễ tết của người Hẹ lấy người dân thôn Đại An, thị trấn Long Đàm làm đối tượng nghiên cứu”, Dương Xuân Hoa, 2007.

²¹Thôi Minh An “Dấu hiệu hỗn dân tộc – văn hóa luận biểu trưng âm thực Trung Quốc”, NXB Đại học Văn Nam, 2001, trang 136.

sức khỏe. Tại sao lại là đậu đỏ và ớt khô? Trong văn hóa truyền thống, trái ớt tượng trưng cho sức khỏe, hạt đậu đỏ để đuổi ma quỷ²², nhưng vấn đề là từ đồng âm nằm trong con số 7, vì 七 七 đọc là “qì” gần âm với 驱 “qu” có nghĩa là đuổi đi, xua đuổi những điều không may mắn.

Trường sinh bất lão cũng là một trong những mục đích mà con người luôn theo đuổi. Trong “Thượng thư. Hồng Phạm” có nói: “nhất viết thọ, nhị viết phú, tam viết khang ninh, tứ viết tu hảo đức, ngũ viết khảo chung mệnh”. Như vậy, hai trong năm phúc lớn có liên quan đến chữ “thọ”. Có một món ăn thể hiện lời cầu chúc trường thọ liên quan đến hiện tượng đồng âm là món rau họ 韭菜 “jiu cài” xào hoặc nấu canh hoặc nấu cháo (giống món cháo hành của Việt Nam) và rượu 酒, vì cùng có âm đọc là “jiu” đồng âm với 久 có nghĩa là 长久 “trường cửu/ trường thọ”.

3. Có thể nói, văn hóa ẩm thực Trung Hoa có lịch sử lâu đời và có chức năng chuyển tải những thông điệp mà con người muốn gửi gắm vào cuộc sống một cách ý nhị nhất với phương thức chuyển tải cũng vô cùng đa dạng, linh hoạt. Đồng âm trong tiếng Hán được tận dụng trong ẩm thực Trung Hoa là một nét thú vị khi nghiên cứu về ngôn ngữ-văn hóa Trung Hoa..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 《中国饮食文化的象征符号——饮食象征文化的表层结构研究》，崔明安，历史理论研究，1995年4期。(Kí hiệu tượng trưng trong văn hóa ẩm thực Trung Quốc-Nghiên cứu kết cấu biểu hiện trong văn hóa tượng trưng ẩm thực Trung Quốc, Thôi Minh An, Tạp chí Nghiên cứu lí luận lịch sử, kì 4 năm 1995).
2. 《隐藏民族灵魂的符号——中国饮食象征文化论》，崔明安，云南大学出版社，2001年。(Bàn về dấu hiệu ý nghĩa tượng trưng của ẩm thực Trung Quốc - dấu hiệu hồn dân tộc, Thôi Minh An, Nhà xuất bản Vân Nam, 2001, 290 trang).
3. 《中国饮食象征文化的多义性》，崔明安,民间文学论坛，1996年第3期。(Thôi Minh An “Tính đa nghĩa trong văn hóa ẩm thực

Trung Quốc”, Tạp chí Diễn đàn văn học dân gian, kì 3 năm 1996).

4. 《略论中国饮食文化的特点与功能》，周全霞，科教文汇报，2007年3月。(Lược bàn về công năng và đặc điểm văn hóa của văn hóa ẩm thực Trung Quốc, Châu Toàn Hà, báo Văn vọng Khoa giáo, 3/ 2007) .

5. 《中国饮食文化的内涵》，张少飞，郑州航空工业管理学院学报，2005年第6期。(“Nội hàm văn hóa ẩm thực Trung Quốc”, Trương Thiệu Phi, tạp chí Khoa học Học viện quản lí công nghiệp Hàng không Trịnh Châu, kì 6 năm 2005)

6. 《中过古代饮食》，王明德，王思辉，陕西人民出版社，1988。(Vương Minh Đức, Vương Tư Huy “Ẩm thực cổ đại Trung Quốc”, NXB nhân dân Thiểm Tây, 1988.)

Website:

1. 《中国传统节日与饮食文化》(Lễ tết truyền thống Trung Quốc và văn hóa ẩm thực),<http://www1.6park.com>
2. 《中国传统节日民俗与饮食文化》(Phong tục dân gian trong lễ tết truyền thống Trung Quốc và văn hóa ẩm thực),<http://wenku.baidu.com/view>

(Ban Biên tập nhận bài ngày 13-07-2014)

²²Đồng tiền thư đệ ngũ quyền “thủy bộ - tinh tuyên thủy”.